

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Huyền Châm*, Phạm Bảo Dương, Nguyễn Tất Thắng

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: nthcham@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 29.09.2019

Ngày chấp nhận đăng: 03.02.2020

TÓM TẮT

Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay các doanh nghiệp phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Bài viết đi sâu, làm rõ khái niệm, vai trò, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp và tổng quan thực tiễn ở trong nước và thế giới. Qua đó, một số bài học kinh nghiệm được đưa ra như cần có những chính sách phù hợp với các doanh nghiệp trong từng giai đoạn, hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận hai nguồn lực quan trọng là đất đai và vốn. Hỗ trợ phát triển thị trường, phát triển sản phẩm nhằm hỗ trợ đầu ra cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp cũng là một bài học rất đáng quan tâm.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, sản xuất nông nghiệp.

The Development of Small and Medium-Sized Agricultural Production Enterprises in Vietnam: Theoretical and Practical Fundamentals

ABSTRACT

The development of small and medium-sized agricultural production enterprises is considered as the force of agriculture and rural development. However, it is currently being faced with numerous shortcomings. Therefore, the paper aimed to clarify concepts, roles, and factors which affect medium-sized agricultural enterprises. Some case studies in Vietnam and abroad are also summarized. Finally, some lessons could be learnt. Relevant policies in each stage of development are needed. Enterprises should be supported to access land and capital as well as technology transfer. Moreover, it is necessary to support them in market development, product development to increase their sales.

Keywords: Small and medium-sized enterprises, agricultural production.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) là một loại hình tổ chức kinh tế với số lượng đông đảo, có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế. Đối với các nền kinh tế đang phát triển, khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định là thành tố cơ bản, có tính quyết định đối với sự thành công của công cuộc phát triển kinh tế và xóa đói, giảm nghèo. Chính các doanh nghiệp nhỏ và vừa với sự phân bố rộng khắp, đông đảo tạo nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần chuyển dịch

cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh của ngành, vùng, quốc gia (Nguyễn Thị Hoàng Lý, 2019).

Ở Việt Nam, trong những năm qua, nhờ chủ trương đúng đắn của Đảng, chính sách thông thoáng của Nhà nước nên số lượng các DNVVV ở Việt Nam đã hình thành và phát triển rất nhanh. Theo báo cáo của Hiệp hội DNVVV, tính đến 2016 cả nước có khoảng 520 nghìn doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm 97% số doanh nghiệp đang hoạt động thực tế. Các doanh nghiệp này đã và đang có đóng góp to lớn vào sự phát triển chung của đất nước. Kết quả hàng năm tạo

thêm trên nửa triệu lao động mới; sử dụng trên 60% lao động xã hội và đóng góp khoảng 50% GDP, 33% thu nộp ngân sách nhà nước (Nguyễn Minh, 2017).

Tuy nhiên, ở nước ta nông nghiệp vẫn là một trong những ngành kinh tế then chốt. Nông nghiệp tạo ra 85% việc làm cho cư dân nông thôn và là nguồn sinh kế của hơn 65% dân số cả nước (Tổng cục Thống kê, 2017). Do đó, chủ trương phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn được coi là động lực cho phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn (Nghị định 57/2018/NĐ-CP). Các doanh nghiệp sẽ tạo ra động lực thúc đẩy áp dụng ngày càng nhiều tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, làm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả, vật nuôi, tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động.

Do vậy, phát triển DNNVV sản xuất nông nghiệp được xem là giải pháp giải quyết hài hòa mục tiêu hiện đại hóa nông nghiệp với loại hình doanh nghiệp năng động, dễ thích ứng trong nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay hoạt động của các doanh nghiệp này còn chưa tương xứng với tiềm năng. Số lượng DNNVV sản xuất nông nghiệp còn hạn chế. Các doanh nghiệp thường có quy mô nhỏ, vốn ít, sử dụng công nghệ đơn giản, thu hút không nhiều lao động nông thôn và đóng góp còn khiêm tốn. Bản thân các doanh nghiệp hiện phải đối mặt với các yếu tố bất lợi như sức cạnh tranh kém, môi trường hoạt động chưa thực sự thuận lợi, trình độ nhân lực, vật lực, tài lực còn hạn chế. Vậy, phát triển DNNVV sản xuất nông nghiệp được dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn nào? Bài viết này tập trung phân tích, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển DNNVV sản xuất nông nghiệp.

Đây là nghiên cứu tổng quan, hệ thống hóa các tài liệu nghiên cứu về các vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển và các chính sách phát triển DNNVV sản xuất nông nghiệp. Thông tin được sử dụng trong bài viết bao gồm các số liệu đã được công bố; các báo cáo của các Bộ, Ngành, địa phương; các văn bản chính sách liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Thông qua tổng quan cơ sở lý luận về thể chế, chính sách và thực tiễn triển khai để làm rõ các khái niệm, nội hàm và

các yếu tố ảnh hưởng và các bài học kinh nghiệm về phát triển DNNVV sản xuất nông nghiệp.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.1. Một số khái niệm

Theo Luật doanh nghiệp (2014), *doanh nghiệp* là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản có trụ sở giao dịch, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.

Doanh nghiệp được phân loại căn cứ vào nhiều tiêu chí khác nhau. Theo ngành kinh tế và lĩnh vực kinh doanh có thể phân thành doanh nghiệp công nghiệp, doanh nghiệp nông nghiệp, doanh nghiệp thương mại dịch vụ; theo hình thức sở hữu và cơ sở pháp lý có thể phân thành doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Theo quy mô, gồm doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ đưa ra định nghĩa: “DNNVV là cơ sở sản xuất, kinh doanh độc lập, đăng ký kinh doanh theo pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên) (Bảng 1).

Theo Nghị định 39/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật hỗ trợ DNNVV, việc phân chia quy mô doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực nông nghiệp như sau:

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng.

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng.

Bảng 1. Phân loại doanh nghiệp

Quy mô	Doanh nghiệp siêu nhỏ		Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa
	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động
Nông, lâm, thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 200 người	Từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	Từ trên 200 người đến 300 người
Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 200 người	Từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	Từ trên 200 người đến 300 người
Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 50 người	Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	Từ trên 50 người đến 100 người

Nguồn: Nghị định 56/2009/NĐ-CP.

Như vậy, tiêu chí xác định DNNVV sản xuất nông nghiệp gồm những doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, hải sản có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng.

2.2. Đặc trưng của doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp

Xuất phát từ đặc thù của sản xuất nông nghiệp với đất đai là tư liệu sản xuất quan trọng không thể thay thế, vì vậy các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp nói chung và các doanh nghiệp nói riêng với quy mô sản xuất lớn, áp dụng công nghệ hiện đại có nhu cầu về diện tích đất rất lớn.

Với xuất phát điểm về vốn còn hạn chế, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thiếu các nguồn lực để tiến hành các dự án đầu tư lớn. Do không đủ tài chính cho nghiên cứu, triển khai hay tiếp nhận công nghệ tiên tiến nên công nghệ còn hạn chế. Phần lớn các DNNVV vẫn sử dụng công nghệ lạc hậu so với mức trung bình của thế giới từ 2 đến 3 thế hệ.

Thêm vào đó là sự thiếu hụt nguồn lực chất lượng cao. Thực tế cho thấy, Việt Nam đang rất thiếu lao động lành nghề, có trình độ chuyên môn và đang phải đối diện với những thách thức lớn về sự thiếu hụt lao động có trình độ cao và kỹ năng chuyên nghiệp để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho nông nghiệp 4.0. Hệ thống đào tạo nghề còn lạc hậu, chưa đủ đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

Theo kết quả điều tra gần đây, có tới 75% lực lượng lao động trong DNNVV chưa qua đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, phần lớn xuất phát từ kinh tế hộ gia đình. Về trình độ quản lý, đa số các chủ doanh nghiệp ngay cả có trình độ học vấn từ cao đẳng, đại học trở lên cũng ít được đào tạo về kinh tế và quản trị doanh nghiệp, pháp lý kinh doanh (Vương Đức Hoàng Quân, 2014).

2.3. Vai trò, ý nghĩa phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp

Các doanh nghiệp góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. Trong giai đoạn 2010-2013, các DN NVV tạo việc làm cho khoảng 5 triệu lao động, chiếm 45% tổng số việc làm trong khối các doanh nghiệp và chiếm gần 10% tổng số lực lượng lao động của cả nước. Thu nhập bình quân của người lao động làm việc trong các DNNVV cũng có xu hướng tăng lên, từ bình quân 42 triệu đồng/năm/lao động năm 2010, lên 46 triệu đồng/năm/lao động năm 2011 và con số 60 triệu đồng/năm/lao động năm 2015. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho các hộ gia đình nông thôn (Tổng cục Thống kê, 2018).

Phát triển DNNVV sản xuất nông nghiệp góp phần thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Các doanh nghiệp với cơ cấu tổ chức khoa học, quy mô lớn cho phép tạo ra sản phẩm với năng suất cao và giá thành giảm, cơ cấu lại nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả.

Phát triển DNNVV sản xuất nông nghiệp thúc đẩy sự tham gia vào chuỗi cung ứng giá trị

toàn cầu. Sản phẩm được sản xuất dựa trên cơ sở phát huy lợi thế vùng có chất lượng tốt, có giá trị xuất khẩu cao, đóng góp tích cực vào chuỗi giá trị toàn cầu (Đinh Thị Thanh Long, 2015). Nhóm hàng nông lâm thủy sản là hàng hóa xuất khẩu chính, trong đó thủy sản luôn là mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất, kể đến là gạo, cà phê, cao su, rau quả, nhân điều, hạt tiêu, chè. Tỷ trọng hàng xuất khẩu nông lâm thủy sản khá cao nhưng chủ yếu là hàng sơ chế hoặc phải xuất khẩu qua nước trung gian.

Phát triển DNNVV sản xuất nông nghiệp góp phần thay đổi từ phương thức sản xuất thủ công lạc hậu sang phương thức sản xuất công nghiệp. Qua đó, nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại hóa.

Xuất phát từ những vai trò kể trên mà sự phát triển các DNNVV sản xuất nông nghiệp được kỳ vọng sẽ thay thế dần vai trò của các tổ chức kinh tế khác trong sản xuất nông nghiệp bởi tính hiệu quả cao và dễ thích ứng đối với đòi hỏi ngày càng cao của ngành nông nghiệp.

2.4. Quan niệm về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp

Thứ nhất, phát triển doanh nghiệp là quá trình thay đổi cơ bản bên trong bản thân mỗi doanh nghiệp. Chu kỳ sống của doanh nghiệp có thể tuần tự trải qua bốn giai đoạn kế tiếp nhau. Giai đoạn phôi thai và phát triển, giai đoạn thương mại hóa, giai đoạn tăng trưởng và giai đoạn ổn định. Giai đoạn ổn định được đặc trưng bởi tính hiệu quả, kiểm soát nội bộ và chuẩn bị thiết lập nền tảng cho sự phát triển tiếp theo cho tương lai. Ở giai đoạn này, doanh nghiệp có thể chuyển sang bước ngoặt mới để phát triển cao hơn về chất, hoặc có thể đi vào suy giảm và diệt vong (Storey & Wyncarczyk, 1996).

Thứ hai, phát triển DNNVV sản xuất nông nghiệp là quá trình tăng trưởng về số lượng, hợp lý về cơ cấu và quy mô của các doanh nghiệp. Từ đó các doanh nghiệp thích ứng với những thay đổi về môi trường kinh doanh, đảm bảo hài hòa các lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường.

Từ những định nghĩa chung nhất về phát triển, khái niệm phát triển DNNVV sản xuất

nông nghiệp có thể được khái quát với việc thỏa mãn đầy đủ 5 thành tố sau: nhiều hơn về số lượng; tốt hơn về chất lượng thể hiện thông qua khả năng cạnh tranh cao trên thị trường; đa dạng về cơ cấu; thay đổi về tổ chức, thị trường; đảm bảo công bằng phát triển bền vững.

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp

Đầu tư công và cơ sở hạ tầng của địa phương có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp nói chung và các DNNVV nông nghiệp nói riêng. Hạ tầng nông thôn được hoàn thiện gồm hệ thống đường giao thông, hệ thống thủy lợi, hệ thống thông tin sẽ tạo thuận lợi cho các DNNVV sản xuất nông nghiệp phát triển (Đỗ Kim Chung, 2009). Ở các nước đang phát triển nói chung, cơ sở hạ tầng kém là một đặc thù. Điều này là một nhân tố kìm hãm đầu tư vào khu vực nông nghiệp (Thành Nguyễn Đức, 2008). Ở Việt Nam, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ và hỗ trợ cho nông nghiệp như hệ thống vận tải đường sắt thuận tiện cho lưu thông hàng nông sản, cảng nước sâu cho các vùng sản xuất nông sản chính, kho tàng bảo quản, cơ sở chế biến sau thu hoạch, hệ thống cảng tránh trú bão, hậu cần trên biển ... đều chưa có hoặc chất lượng kém. (Nguyễn Lâm Thành & Nguyễn Anh Phong, 2015).

Yếu tố thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế có thể tạo ra cơ hội và cả thách thức đối với các doanh nghiệp. Đây cũng là điều kiện để các DNNVV tiếp cận công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh đổi mới và lớn mạnh (Vương Đức Hoàng Quân, 2014).

Đất đai là tư liệu sản xuất không thể thay thế trong nông nghiệp. Các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp cần nhiều đất để tiến hành sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, một thực tế cho thấy là các DNNVV sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận đất đai để tổ chức sản xuất. Nguyên nhân do tích tụ ruộng đất, dồn điền đổi thửa diễn ra chậm đã gây khó khăn

cho thực hiện sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn của doanh nghiệp.

Yếu tố công nghệ và đổi mới công nghệ ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp nói chung và các DNNVV sản xuất nông nghiệp nói riêng. Công nghệ tiên tiến và phù hợp cho phép các doanh nghiệp chuyên môn hóa vào sản xuất, tạo ra năng suất cao, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Chất lượng nhân lực của doanh nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng trong xu thế cạnh tranh và yêu cầu ngày càng cao của ngành nông nghiệp. Chủ doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc nắm bắt cơ hội kinh doanh, ra quyết định chính xác. Người lao động trực tiếp có vai trò tiếp thu và ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất sẽ là nền tảng quan trọng để phát triển các sản phẩm có tính cạnh tranh trên thị trường (Trần Văn Hòa, 2006).

Trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, cạnh tranh trên thị trường diễn ra khốc liệt đòi hỏi các doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp cần có lượng vốn đủ lớn để đầu tư công nghệ, đổi mới thiết bị máy móc tiên tiến phù hợp. Tuy nhiên, đa số các doanh nghiệp gặp vấn đề chung là vốn tự có thấp, tiếp cận tín dụng hạn chế, tạo nên nút thắt trong sự phát triển (Mai Lan Hương, 2019). Theo VCCI (2018), đối với các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, chỉ có 54% doanh nghiệp tiếp cận khoản vay ngân hàng, còn lại 46% doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận vốn đầu tư.

Môi trường thể chế là hệ thống các quy định do Nhà nước xác lập trong văn bản pháp luật nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa nhà nước với công dân và tổ chức, thể chế có ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp. Đặc biệt, với các DNNVV sản xuất nông nghiệp, luật đất đai có ảnh hưởng rất lớn. Nội dung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đất đai hiện hành gồm: chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, chính sách miễn giảm tiền thuê đất, mặt nước của Nhà nước, chính sách hỗ trợ tập trung đất đai.

Trước 2017, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đất đai cho các DNNVV sản xuất nông nghiệp

còn chồng chéo, mâu thuẫn, gây bất lợi cho các doanh nghiệp. Kể từ Nghị định 57/2018/NĐ-CP các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đất đai cho các DNNVV sản xuất nông nghiệp đã có sự minh bạch, đồng bộ và có tính khả thi. Tuy nhiên, điểm hạn chế là chưa ban hành những chính sách riêng, đặc thù hoặc chính sách đã có nhưng còn phân tán, không còn tính khả thi đối với khu vực DNNVV trong một số lĩnh vực nông nghiệp ở những vùng miền có điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội khó khăn.

3. THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

3.1. Tình hình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp trên thế giới

Ở Hàn Quốc, từ năm 1990 đến nay Chính phủ có nhiều chính sách đối với các DNNVV, tập trung vào đầu tư khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất lao động và cải tiến chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực này. Đến nay, Hàn Quốc đã ban hành 12 luật về DNNVV, thành lập liên đoàn xúc tiến công nghiệp vừa và nhỏ, quỹ xúc tiến công nghiệp vừa và nhỏ.

Hàn Quốc sử dụng hệ thống bảo lãnh tín dụng là công cụ đặc lực để hỗ trợ các DNNVV, với mục tiêu giảm nhẹ các khó khăn tài chính cho các doanh nghiệp. Ngoài ra, quỹ này còn cung cấp các dịch vụ tư vấn, đào tạo về quản lý đối với nhân lực của các DNNVV được quỹ bảo lãnh (Nguyễn Thế Bính, 2013). Kết quả là các DNNVV ở Hàn Quốc đã sự tăng trưởng ổn định, giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Các DNNVV chiếm 99,9% trong tổng số doanh nghiệp ở Hàn Quốc, thu hút 87,9% lao động của nước này.

Ở Nhật Bản, mặc dù là quốc gia có diện tích đất dành cho sản xuất nông nghiệp tính trên đầu người thấp nhất thế giới, chỉ chiếm 5% diện tích đất tự nhiên nhưng đáp ứng đến 79% nhu cầu lương thực, thực phẩm của cả nước. Để đạt được thành tựu này, chính phủ đã tiến hành nhiều biện pháp hỗ trợ cho các doanh nghiệp

sản xuất nông nghiệp. Chủ yếu thông qua hỗ trợ đầu vào, Chính phủ có những ưu đãi tín dụng, hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực và hỗ trợ về tiếp cận đất đai cho các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt từ năm 2000 trở đi, Nhật Bản thực hiện chính sách nông nghiệp “Takebe” hướng tới mục tiêu cung cấp lương thực ổn định, ban hành luật pháp về an toàn thực phẩm, luật pháp về giáo dục chế độ ăn uống, bảo đảm hài hòa giữa thành thị và nông thôn, môi trường nông thôn gắn gũi với tự nhiên và cơ cấu nông nghiệp do doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, xác lập sự phát triển nền nông nghiệp nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp ở Nhật Bản nói riêng đảm bảo mục tiêu hài hòa và công bằng xã hội.

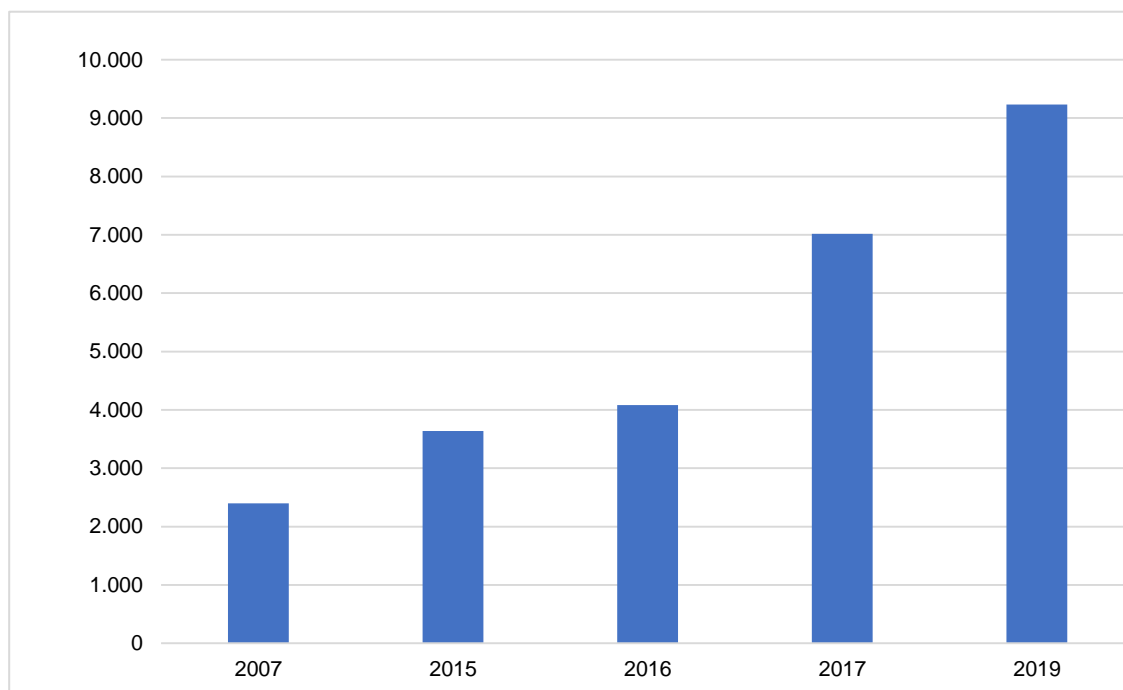
3.2. Tình hình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018), Việt Nam có khoảng hơn 49.600 doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, chiếm 8% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên cả nước. Các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực nông nghiệp bao gồm: sản xuất, chế

biến, tiêu thụ sản phẩm, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản, các dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp. Trong đó, các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất các sản phẩm nông, lâm thủy sản chỉ chiếm khoảng 1% tổng số doanh nghiệp, còn lại là các doanh nghiệp trong chuỗi các ngành liên quan đến nông nghiệp như: chế biến hàng rau quả, thịt lợn, gia cầm, cung cấp nguyên liệu đầu vào.

Về cơ cấu doanh nghiệp, 90% doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp là doanh nghiệp tư nhân còn lại là các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI.

Về quy mô doanh nghiệp, chủ yếu các doanh nghiệp ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ, chiếm 92,35%, tiếp đến là doanh nghiệp quy mô lớn với 5,59% và doanh nghiệp quy mô vừa với 2,06%. Các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp đã tạo ra hơn 4,5 triệu việc làm, chiếm 32,5% lao động của toàn bộ doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp nhìn chung còn thấp so với các doanh nghiệp ở nhóm ngành khác. Năng suất lao động ngành nông nghiệp còn hạn chế, chỉ bằng 38% năng suất lao động bình quân chung cả nước.



Biểu đồ 1. Số lượng DNNVV sản xuất nông nghiệp qua các năm

Tại Bình Dương, để tạo điều kiện cho phát triển nông nghiệp và hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, tỉnh đã ban hành Quyết định 46/2012/QĐ-UBND về những giải pháp khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp kỹ thuật cao - nông nghiệp sinh thái gắn với công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh. Tỉnh đã quy định thành lập nguồn vốn vay ưu đãi phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp cùng với quy định hạn mức vay ưu đãi đối với các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, những chính sách về hỗ trợ về phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm, ưu đãi về đất đai và đơn giá cho thuê mặt đất, mặt nước cho các doanh nghiệp, đã thu được những kết quả tốt. Trong nhiều ứng viên đăng ký, công ty U&I đã được chọn làm chủ đầu tư khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã An Thái, huyện Phú Giáo. Với quy mô 412 ha chia ra nhiều khu chức năng như khu nghiên cứu, khu sản xuất, đến thời điểm hiện tại khu nông nghiệp công nghệ cao này đã có những thành tựu đáng kể. Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất hoa quả đã được các doanh nghiệp của Bình Dương áp dụng quy trình sản xuất VietGAP, GlobalGAP trên các loại cây trồng có giá trị như dưa lưới, cây có múi, chuối. Sản phẩm có sức cạnh tranh nên không chỉ sản xuất và tiêu thụ trong nước mà còn xuất khẩu sang nhiều thị trường yêu cầu chất lượng sản phẩm cao như Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia. Tuy nhiên, Bình Dương còn gặp phải các vấn đề chung của cả nước như thị trường tiêu thụ chưa ổn định, các sản phẩm có thương hiệu chưa nhiều, chưa có công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch, xúc tiến thương mại và thị trường nông sản chủ lực còn hạn chế.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố đã cùng với các Trung tâm, Viện nghiên cứu, trường đại học, chính quyền và các doanh nghiệp thành lập “Vườn ươm doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao”. Đây là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Ban quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao, được thành lập theo Quyết định số 4615/QĐ-UBND ngày 5/10/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, nhằm khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân hình thành và phát triển doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ

cao. Mục tiêu của trung tâm là “Xây dựng môi trường thuận lợi nhằm nuôi dưỡng các doanh nghiệp mới thành lập phát triển thành các doanh nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh trên thương trường”. Kết quả, số lượng các doanh nghiệp tăng từ 396 DNNVV nông nghiệp năm 2015 lên 473 năm 2016 và năm 2017 đạt con số 513 (Bộ Kế hoạch đầu tư, 2019).

4. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật nhằm cải thiện môi trường kinh doanh cho các DNNVV sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là chính sách đất đai.

Thứ hai, hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp nhằm giúp các doanh nghiệp thích ứng tốt hơn với yêu cầu hiện đại hóa nông nghiệp ngày càng cao. Từ thực tiễn phân tích ở Nhật Bản đã chỉ ra điều này.

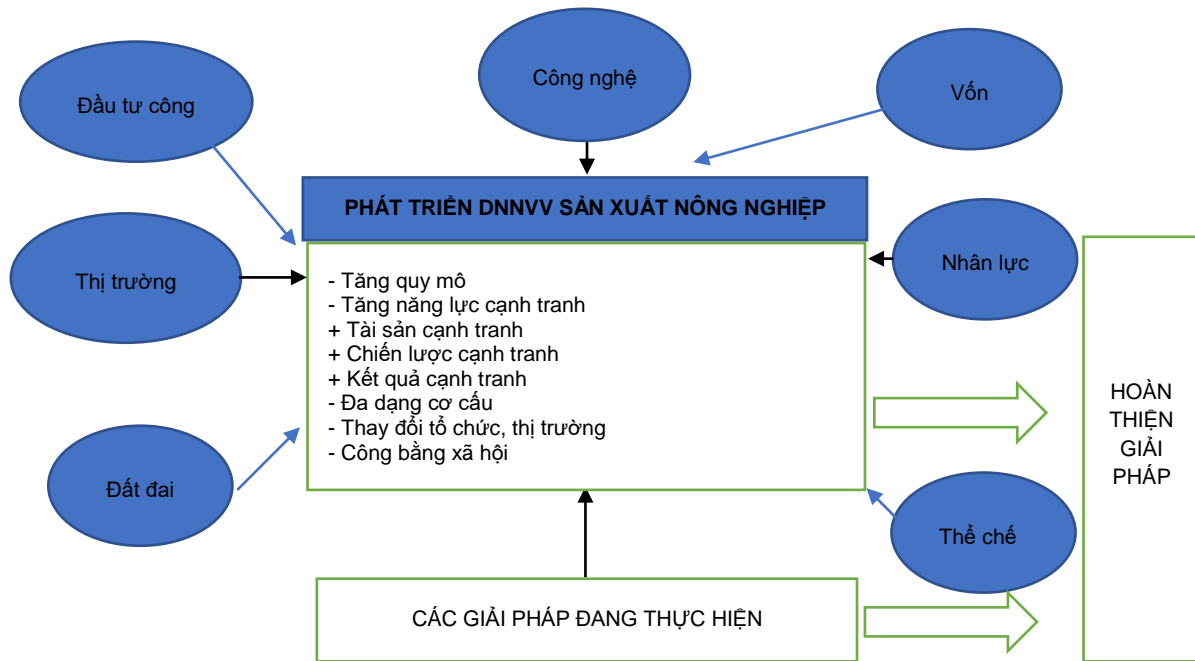
Thứ ba, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp trong tiếp cận hai nguồn lực quan trọng là đất đai và vốn, như bài học kinh nghiệm đã phân tích ở Nhật Bản và Bình Dương.

Thứ tư, cần hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực. Từ bài học kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy chính sách đào tạo nhân lực góp phần giúp các doanh nghiệp có năng suất lao động cao hơn, đáp ứng tốt hơn với yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường nông nghiệp.

Thứ năm, cần có hỗ trợ về phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm nhằm hỗ trợ đầu ra cho doanh nghiệp. Thực tiễn của Bình Dương cho thấy kết quả tốt khi thực hiện chính sách này.

5. KHUNG PHÂN TÍCH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG NÔNG NGHIỆP

Từ các nghiên cứu lý luận và thực tiễn ở trên, bài báo đề xuất khung phân tích nghiên cứu phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nông nghiệp như sau:



Sơ đồ 1. Khung phân tích nghiên cứu

Thứ nhất: Chiếm vị trí trung tâm trong Khung phân tích là các tiêu chí thể hiện sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đó là các tiêu chí thể hiện sự gia tăng về số lượng, khả năng cạnh tranh - chất lượng, cơ cấu chủng loại các doanh nghiệp, sự phù hợp thích ứng về thể chế và thị trường và sự phát triển công bằng, bền vững của các doanh nghiệp.

Thứ hai: Sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp đã và đang nhận được sự quan tâm đặc biệt của chính phủ. Đánh giá các giải pháp thực thi phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực nông nghiệp là một nội dung quan trọng trong khung phân tích.

Thứ ba: Sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa chịu tác động của các yếu tố ảnh hưởng. Đó là môi trường thể chế, pháp lý, các chính sách, thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, các nguồn lực và tiếp cận nguồn lực như đất đai, lao động, vốn, công nghệ và đổi mới công nghệ, các yếu tố về văn hóa, phong tục, tập quán và các đặc điểm liên quan đến nông nghiệp.

Thứ tư: Các giải pháp, kiến nghị dự kiến đề xuất cho phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp.

6. KẾT LUẬN

Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp trước hết là quá trình thay đổi cơ bản bên trong bản thân mỗi doanh nghiệp. Từ phối thai phát triển, thương mại hóa, tăng trưởng đến giai đoạn ổn định, doanh nghiệp có sự phát triển cao hơn về chất hoặc có thể diệt vong.

Nội dung cơ bản của phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp được thể hiện trên năm khía cạnh, đó là sự tăng lên số lượng, tốt hơn chất lượng, đa dạng về cơ cấu, thay đổi về tổ chức và công bằng xã hội.

Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp bao gồm các yếu tố bên ngoài như thể chế, đầu tư công và thị trường, các yếu tố bên trong doanh nghiệp và các yếu tố chung khác. Trong đó, các yếu tố bên trong doanh nghiệp như đất đai, vốn, lao động, công nghệ có ảnh hưởng mạnh mẽ.

Một số bài học nhằm phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất nông nghiệp như hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật và đào tạo nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn và đất đai. Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại nhằm hỗ trợ đầu ra cho doanh nghiệp cũng cần được quan tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đinh Thị Thanh Long (2015). Chuỗi giá trị toàn cầu - Cơ hội và thách thức cho sự phát triển. Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng. 159: 55-57.
- Đỗ Kim Chung (2009). Giáo trình nguyên lý kinh tế nông nghiệp. Nhà xuất bản Nông nghiệp. tr. 112
- Mai Lan Hương (2019). Phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay: Rào cản và giải pháp. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam. 3: 42-43.
- Nguyễn Đức Thành (2008). Các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp: Tổng quan những vấn đề lý luận cơ bản. Trung tâm nghiên cứu Kinh tế và Chính sách. tr. 18
- Nguyễn Lâm Thành & Nguyễn Anh Phong (2015). Một số vấn đề đặt ra trong phát triển nông nghiệp Việt Nam hiện nay. Kỷ yếu diễn đàn Kinh tế mùa xuân 2015. tr. 3.
- Nguyễn Thế Bình (2013). Kinh nghiệm quốc tế về chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và bài học cho Việt Nam. Tạp chí Phát triển và hội nhập. 12: 21-25.
- Nguyễn Thị Hoàng Lý (2019). Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở tỉnh Hòa Bình, Luận án Tiến sĩ, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. tr. 34-35
- Nguyệt Minh (2017). Bộ phóng mới cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, truy cập từ: <https://baodauthau.vn/doanh-nghiep/be-phong-moi-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-32684.html>, ngày 11/2/2020.
- Storey D. & Wynarczyk P. (1996). The survival and non-survival of Micro Firms in the UK. Review of Industrial Organizations. pp. 211-229.
- Trần Văn Hòa (2006). Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn Thừa Thiên Huế, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Nông nghiệp I. tr. 30-31.
- Vương Đức Hoàng Quân (2014). Những thách thức đặt ra cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Tạp chí Phát triển KH&CN. 17: 47-48.